

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị Mai và anh Linh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thuận, bà Ngô Thị Thu Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị M - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Công L - Sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H.

Tại phiên tòa vắng mặt chị M và anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Hà Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Công L vào ngày 30/12/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Tháng 3 năm 2024, anh L có hành vi vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam tại

Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh Phạm Công L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 29/8/2012; cháu Phạm Phương A1, sinh ngày 03/7/2015 và cháu Phạm Anh D, sinh ngày 29/02/2024. Sau ly hôn, chị Hà Thị M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh Phạm Công L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 26/7/2024, bị đơn anh Phạm Công L trình bày: Anh và chị Hà Thị M chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 30/12/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hoà giải được, ngày 26/3/2024 anh có hành vi vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Chị M xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết để anh, chị được ly hôn. Anh và chị M có 03 con chung là cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 29/8/2012; cháu Phạm Phương A1, sinh ngày 03/7/2015 và cháu Phạm Anh D, sinh ngày 29/02/2024. Sau ly hôn, anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L1 đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và xét xử vụ án vắng mặt anh.

Do anh L1 vắng mặt, Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Hà Thị M thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Do bị đơn đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên hòa giải. Căn cứ khoản 1 Điều 227;

khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị M** và anh **Phạm Công L** kết hôn ngày 30/12/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống và có 03 con chung nhưng hạnh phúc không duy trì được. Mâu thuẫn phát sinh do tính cách, quan điểm sống của chị **M** và anh **L** trái ngược nhau; vợ chồng thường xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau. Ngày 26 tháng 3 năm 2024, anh **L** có hành vi vi phạm pháp luật nên bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **M**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị **M** và anh **L** có 03 con chung là cháu **Phạm Hoàng A**, sinh ngày 29/8/2012; cháu **Phạm Phương A1**, sinh ngày 03/7/2015 và cháu **Phạm Anh D**, sinh ngày 29/02/2024. Sau ly hôn, chị **M** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung. Xét yêu cầu của chị **M** về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung thấy, do anh **L** đang bị tạm giam, chị **M** là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh **L1** có quan điểm đồng ý để chị **M** nuôi dưỡng cả 03 con chung, hơn nữa cháu **Phạm Hoàng A** và cháu **Phạm Phương A1** đều có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy cần giao chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **M** không yêu cầu anh **L1** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **M** và anh **L1** có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị M** và anh **Phạm Công L** không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị **Hà Thị M** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Hà Thị M** và anh **Phạm Công L**.

2. Về con chung: Giao chị **Hà Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Phạm Hoàng A**, sinh ngày 29/8/2012; cháu **Phạm Phương A1**, sinh ngày 03/7/2015 và cháu **Phạm Anh D**, sinh ngày 29/02/2024. Anh **Phạm Công L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị **Hà Thị M** phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị **M** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003633, ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị **Hà Thị M** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị **Hà Thị M** và anh **Phạm Công L** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Bằng, Yên Tiến;
- Lưu: HS, VP.

Vũ Tiến Mãn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tiến Mãn

